TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/DS-PT
Ngày : 27 - 5 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng hứa thưởng

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Lộc

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2020/TLPT – DS ngày 13 tháng 02 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng Hứa thưởng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 108/2019/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện LH bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 100/2020/QĐPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Đinh Văn BH, sinh năm 1957; địa chỉ: xã LM, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Bị đơn: cụ HT, sinh năm 1930 (chết ngày 17/3/2016)

Nơi cư trú trước khi chết: phường A, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ HT gồm:

1. Ông Huỳnh KQ, sinh năm 1974; địa chỉ: phường A, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long (con của cụ T).

2. Ông Huỳnh K, sinh năm 1965; địa chỉ: Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (con của cụ T).

3. Bà Huỳnh Kim T1, sinh năm 1968; địa chỉ: phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (con của cụ T).

4. Bà Huỳnh Kim Hg, sinh năm 1972; địa chỉ: phường D, Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Mnh (con của cụ T).

Người đại diện hợp pháp của ông Q, ông K, bà T1 và bà Hg là bà Lê Thị M, sinh năm 1958; địa chỉ: Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo các văn bản uỷ quyền ngày 28/9/2016 và 30/11/2016 (có mặt).

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Lâm Sơ P, sinh năm 1939; địa chỉ: xã QA, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của cụ Lâm Sơ P là bà Lê Thị M, sinh năm 1958; địa chỉ: Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo văn bản ủy quyền ngày 19/8/2017 (có mặt).

2. Cụ Đỗ Văn T, sinh năm 1928 (chết); Nơi cư trú trước khi chết: phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Đỗ Văn T gồm:

2.1. Ông Đỗ Quốc T1, sinh năm 1964 (con của cụ T vắng mặt).

2.2. Ông Đỗ P N, sinh năm 1974 (con của cụ T vắng mặt).

Cùng địa chỉ: phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Cụ Huỳnh ThA D, sinh năm 1936 (chết)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Huỳnh ThA D gồm:

3.1. Cụ Đào Thị L (vợ cụ D vắng mặt).

3.2. Ông Huỳnh Duy Tr, sinh năm 1964 (con của cụ D vắng mặt).

3.3. Bà Huỳnh T1 Tr1, sinh năm 1968 (con của cụ D vắng mặt).

3.4. Ông Huỳnh Duy Ch, sinh năm 1973 (con của cụ D vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3.5. Bà Huỳnh Tố Tr1; địa chỉ: Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (con của cụ D vắng mặt).

3.6. Bà Huỳnh A; địa chỉ: Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (con của cụ D vắng mặt).

4. Bà P Thị C, sinh năm 1955; địa chỉ: xã LM, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

5. Bà Chung P, sinh năm 1953; địa chỉ: Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người kháng cáo: ông Đinh Văn BH; địa chỉ: xã LM, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

* Ttheo đơn khởi kiện ngày 20/4/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đinh Văn Bé BH trình bày:

Năm 1974 cụ HT có mua 02 căn phố tại xã TL, TBvà sửa chữa lại dự định thành lập Ngân hàng Nông thôn T (chế độ cũ), tuy nhiên công trình chưa hoàn thành thì đất nước giải phóng, từ đó Nhà nước quản lý sử dụng nay làm trụ sở Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T.

Năm 1990 cụ T có làm đơn khiếu nại đòi lại 02 căn nhà nêu trên nhưng do tuổi già, sức khỏe yếu cụ T ủy quyền cho ông BH đi lại, lo các thủ tục, giấy tờ. Theo bản cam kết ngày 15/01/1991 cụ T có hứa thưởng cho Ông 30%/tổng trị giá tài sản nếu đòi được 02 căn phố. Ông đã bỏ công sức để đi đòi lại nhà cho cụ T, trong thời gian Nhà nước đang giải quyết khiếu nại thì cụ T thu lại tờ cam kết lập ngày 15/01/1991, sau đó cụ T cùng các cụ Lâm Sơ P, Đỗ Văn T, Huỳnh ThA D là những người đồng sáng lập ngân hàng với cụ T cùng lập tờ cam kết hứa thưởng cho Ông 40% trên tổng giá trị tài sản đòi được.

UBND tỉnh Vĩnh Long xem xét, giải quyết khiếu nại của Ông đến năm 2012 thì ban hành Quyết định số: 1308/QĐ/UBND ngày 21/8/2012 chấp nhận chi trả giá trị khối lượng công trình xây dựng bằng số tiền 430.398.740 đồng.

Ngày 28/8/2012 ông BH, cụ T và con trai cụ T là ông Huỳnh KQ trực tiếp đến Sở Tài chính để nhận tiền, cụ T có nói để về nhà rồi chia cho Ông số tiền như đã hứa. Tuy nhiên sau đó cụ T cứ cố tình né tránh, không thực hiện lời hứa mặc dù kinh tế gia đình Cụ rất giàu có.

Do đó, Ông bắt đầu khởi kiện từ năm 2012 cho đến nay, nay Ông vẫn yêu cầu cụ T trả cho ông số tiền hứa thưởng bằng 40% trên tổng số tiền Nhà nước chi trả, tính ra bằng 172.159.496 đồng (430.398.740 đồng x 40% = 172.159.496 đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm ông BH rút lại một phần yêu cầu khởi kiện: Ông yêu cầu cụ T nay cụ T thì những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ T trả cho ông 40% trên số tiền mà cụ T được hưởng tính ra bằng 43.000.000 đồng (430.398.740 đồng/4 x 40% = 43.039.874 đồng).

* Tại các phiên hòa giải ngày 12/7/2019, 30/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị M đại diện của Những người kết thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ T trình bày:

Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông BH, yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của ông vì các lý do sau đây:

- Thứ nhất: Nguồn gốc 02 căn phố là sở hữu chung của cụ T, cụ P, cụ T và cụ D không phải chỉ riêng cá nhân cụ T;

- Thứ BH: Tờ cam kết ngày 12/11/2004 Các cụ "thống nhất giao cho ông BH đòi lại căn nhà, chấp nhận chịu 40% trên tổng giá trị" cho thấy cụ T không ký tên cam kết với tư cách cá nhân Cụ T;

- Thứ ba: Việc yêu cầu đòi lại căn nhà đã thay đổi thành yêu cầu bồi thường chi phí xây dựng nhưng ông BH không biết;

- Thứ tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long chỉ giải quyết phần yêu cầu bồi thường chi phí xây dựng nhà trên cơ sở giấy xác nhận ngày 11/12/2006 của thầu khoán xây cất là ông Nhâm Chí Tg và buổi làm việc trực tiếp với cụ T, cụ P và ông Tg ngày 25/12/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh không bồi hoàn hoặc trả lại BH căn nhà theo ủy quyền cho ông BH trước ngày 20/10/2006;

- Thứ năm: Quyết định số: 1308/QĐ-UBND ngày 21/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ đối với khối lượng công việc và vật liệu đã thực hiện năm 1974 cho Ban Sáng lập Ngân hàng Nông thôn T do cụ T làm đại diện, hoàn toàn không có công sức của ông BH;

- Thứ sáu: Ông BH không cung cấp được bất cứ tài liệu nào chứng minh được công sức, chi phí của Ông đã bỏ ra;

- Thứ bảy: Ngày 19/9/2012 cụ P đã lấy tiền của bà Chung P cho ông BH 5.000.000đ (có biên nhận ngày 19/9/2012), cùng ngày cụ T có cho ông Bé BH 10.000.000đ (không có biên nhận);

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Lâm Sơ P do bà Lê Thị M làm đại diện cũng đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông BH với các lý do như trình bày trên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chung P trình bày: Bà là vợ cụ P, ngày 19/9/2012 ông Bé BH có đến nhà Bà, có cụ P, cụ T và cụ T, ông Bé BH xin tiền nói cho bao nhiêu thì cho, cụ P kêu Bà lấy 5.000.000 đồng cho và ông Bé BH có viết biên nhận giao lại cho Bà, Bà đề nghị Toà án để cụ P quyết định (định đoạt) tiền này, Bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án cụ P trình bày: đối với số tiền 5.000.000 đồng này xem như cụ P thưởng công cho ông BH trong việc đi đòi lại nhà nêu trên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P Thị C trình bày: Bà là vợ của ông Bé BH, tháng 10/2006 ông Nguyễn Văn H không có đến nhà để đưa văn bản ủy quyền của Các cụ nếu có giao thì phải có văn bản ký tên và phải đòi lại giấy ủy quyền và hồ sơ đất bản chính, Bà cho rằng không biết ông Nguyễn Hồng Đ là ai và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

* Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Đỗ Văn T gồm: ông Đỗ Quốc T1, ông Đỗ P Nh; Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Huỳnh ThA D gồm: cụ Đào Thị L, ông Huỳnh Duy Tr, bà Huỳnh Tuyết Tr1, ông Huỳnh Duy Ch, bà Huỳnh Tố Tr1, bà Huỳnh A không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 108/2019/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 595 của Bộ luật Dân sự năm 1995 (nay quy định tại Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2005). Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu ông Đinh Văn Bé BH đã rút.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn BH về việc yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ HT là Huỳnh KQ, Huỳnh K, Huỳnh Kim T1, Huỳnh Kim Hg trả số tiền hứa thưởng 43.000.000đ (Bốn mươi ba triệu đồng, tương đương 40% trên tổng giá trị phần cụ T được hưởng theo tờ cam kết ngày 12/11/2004).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 01 năm 2020, ông BH có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xử buộc bị đơn HT có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ T gồm: Huỳnh KQ, Huỳnh K, Huỳnh Kim T1 và Huỳnh Kim Hg trả cho ông BH số tiền hứa thưởng 172.159.496 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, ông BH vẫn giữ yêu cầu buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ T trả cho ông tiền hứa thưởng bằng 172. 159.496 đồng (tương đương 40% của của số tiền cụ T nhận được), vì theo ông biết sau khi cụ T nhận 430.039.874 đồng từ kho bạc về thì cụ T sử dụng hết, không chia lại cho các thành viên trong Ban sáng lập ngân hàng. Bà M đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ T trình bày: sau khi cụ T nhận tiền về thì các cụ trong Ban sáng lập ngân hàng họp lại, tính toán trừ chi phí đi khiếu nại trong hơn 20 năm là 189.200.000 đồng, số tiền còn lại mới chia đều

cho 04 người, không phải một mình cụ T sử dụng hết, Bà vẫn giữ ý kiến không chấp nhận yêu cầu của ông BH.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông BH, buộc cụ T trả cho ông BH 43.000.000 đồng (do cụ T chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ T thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho cụ T trong phạm vi di sản của cụ T để lại).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả trA tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 26 tháng 12 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện LH tuyên án sơ thẩm đến ngày 08 tháng 01 năm 2020 ông Đinh Văn BH nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội D:

Theo giấy ủy quyền ngày 20/01/1991 và giấy ủy quyền ngày 20/6/1991 thì cụ HT có ủy quyền cho ông Đinh Văn BH thay mặt Cụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đòi lại 02 căn nhà của cụ T mua tại xã TL, TBvào năm 1974 (hiện nay UBND huyện T quản lý bố trí sử dụng làm trụ sở Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện).

Thực hiện theo sự ủy quyền, ông BH liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để nộp đơn khiếu nại đòi lại 02 căn nhà nêu trên là có thật, thể hiện tại giấy xác nhận ngày 26/12/2010 của ông Nguyễn Văn C nguyên Chánh thanh tra Sở xây dựng tỉnh Vĩnh Long: "Năm 2000 ông BH được ông HT ủy quyền đi nộp đơn khiếu nại xin lại nhà tại thị trấn T, Thanh tra Sở xây dựng nhận đơn do ông BH là người trực tiếp nộp và cung cấp các giấy tờ kèm theo đơn khiếu nại và ông BH cũng có đến hỏi kết quả giải quyết khiếu nại" và giấy xác nhận ngày 14/12/2012 của ông Nguyễn Văn Th nguyên Phó Chánh thanh tra tỉnh Vĩnh Long:" Thời gian trước năm 2000 thì ông HT có đến Thanh tra tỉnh Vĩnh Long khiếu nại xin lại 02 căn nhà tại huyện T, từ năm 2000 đến 2003 theo giấy ủy

quyền của ông HT đề ngày 12/11/2001 thì cháu ông T là Đinh Văn BH đến Thanh tra tỉnh để tiếp tục khiếu nại xin lại 02 căn phố nêu trên", ngoài ra trong hồ sơ còn thể hiện ông BH có gửi đơn khiếu nại đến các cơ quan khác như: UBND tỉnh Vĩnh Long, HĐND tỉnh Vĩnh Long, Vụ tiếp dân và xử lý đơn thư thuộc Thanh tra Chính phủ.

Trong quá trình khiếu nại đòi lại, vào ngày 12/11/2004 những người đồng sáng lập Ngân hàng nông thôn T gồm: cụ T, cụ Lâm Sơ P, cụ Đỗ Văn T và cụ Huỳnh ThA D có lập một tờ ủy quyền cho ông BH thay mặt họ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền nộp hồ sơ đòi lại nhà đồng thời lập một tờ cam kết đồng ý cho ông BH sở hữu 40% giá trị tài sản đòi được.

Việc khiếu nại kéo dài từ năm 1990 đến năm 2012 được UBND tỉnh Vĩnh Long giải quyết bằng việc ban hành Quyết định số: 1308/QĐ-UBND ngày 21/8/2012, theo đó: đối với phần đất vì là đất công thổ, là thành quả của cách mạng nên không xem xét trả lại, chỉ xem xét hỗ trợ phần công trình xây dựng trên đất cho Ban sáng lập Ngân hàng nông thôn Tam Bình theo thời giá hiện hành bằng số tiền 430.398.740đồng. Cụ T là người trực tiếp nhận số tiền này.

Người đại diện hợp pháp của cụ T cho rằng: năm 2007 UBND tỉnh Vĩnh Long đã ban hành văn bản số 114/UBND ngày 15/01/2007 trả lời đơn khiếu nại đòi lại nhà của cụ HT là không có căn cứ xem xét, từ đó cụ T không còn ủy quyền cho ông BH mà Cụ trực tiếp đi khiếu nại và đã thay đổi yêu cầu đòi lại nhà đất thành đòi lại chi phí xây dựng. UBND tỉnh Vĩnh Long căn cứ vào buổi làm việc trực tiếp với cụ T, cụ P và thầu xây dựng Nhâm Ch Tg vào ngày 25/12/2009 mới ban hành quyết định số: 1308/QĐ-UBND nên xem như ông BH không có công sức đóng góp gì vào việc Ban sáng lập ngân hàng được Nhà nước hỗ trợ tiền chi phí xây dựng.

Xét lời nại ra của Bị đơn là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ:

- Văn bản số 114/UBND ngày 15/01/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Long trả lời trường hợp đòi lại nhà của cụ T không có căn cứ xem xét là do thời điểm này Nhà nước không có chủ trương giải quyết, không phải do lỗi của ông BH tắc trách, không làm tròn trách nhiệm được ủy quyền dẫn đến không được xem xét. Tuy nhiên sau đó đến 11/12/2009 Ban giải quyết khiếu tố tỉnh tiếp tục có văn bản chỉ đạo Sở xây dựng kết hợp với Thanh tra tỉnh xác định lại nguồn gốc và quá trình sử dụng ngân hàng để làm rõ tính hợp pháp trình Ủy ban xem xét .

- Quyết định số: 1308/QĐ-UBND ngày 21/8/2012 được ban hành, trên cơ sở căn cứ vào kết quả xác minh về nguồn gốc đất, quá trình xây dựng, quản lý sử dụng được thể hiện qua nhiều tài liệu, chứng cứ như: công văn số 02 ngày 8/01/1993 của Ngân hàng nông nghiệp tỉnh và công văn số 80 ngày 26/02/1994 của UBND tỉnh về việc giải quyết đơn đòi lại nhà của cụ T; tờ trình số 26 ngày 29/11/1993 của Thanh tra tỉnh đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo ngân hàng hoàn tiền chi phí xây dựng cho Ban sáng lập ngân hàng nông thôn; xác nhận của Bí thư huyện ủy Tam Bình ngày 05/4/1997 về việc có tạm quản lý ngân hàng làm trụ sở làm việc, những văn bản này được ban hành trong khoảng thời gian ông BH

nhận ủy quyền của cụ T đi khiếu nại. Biên bản của Sở xây dựng và Thanh tra tỉnh làm việc trực tiếp với cụ T, cụ P và thầu xây dựng Nhâm Ch vào ngày 25/12/2009 chỉ nhằm mục đích xác định khối lượng công việc (phần xây dựng) để làm căn cứ áp giá bồi thường.

Như vậy, Quyết định số: 1308/QĐ-UBND ngày 21/8/2012 là kết quả giải quyết cả quá trình khiếu nại đòi lại nhà từ năm 1990 đến năm 2012. Mặc dù giai đoạn từ năm 2006 trở về sau các cụ trong Ban sáng lập Ngân hàng nông thôn T không còn ủy quyền cho ông BH đi khiếu nại mà cụ T trực tiếp đi, tuy nhiên thành quả đạt được phải khẳng định cũng có một phần công sức đóng góp của ông BH.

Bị đơn cho rằng ngày 19/10/2006 các cụ trong Ban sáng lập ngân hàng đã hủy bỏ tờ ủy quyền cho ông BH. Tuy nhiên đối với tờ cam kết hứa thưởng thì các cụ không có tuyên bố hủy bỏ nên vẫn còn hiệu lực, mặt khác theo quy định tại Điều 596 Bộ luật Dân sự 1995 thì "Người hứa thưởng chỉ được rút lại tuyên bố hứa thưởng khi chưa đến hạn bắt đầu thực hiện công việc", ở đây, trên thực tế thì ông BH đã thực hiện công việc mà các Cụ đã giao nên các Cụ không có quyền rút lại tuyên bố hứa thưởng. Ngoài ra bị đơn trình bày cụ T có thưởng cho ông BH số tiền 10.000.000 đồng nhưng không xuất trình được chứng cứ để chứng minh.

Cấp sơ thẩm nhận định ông BH không chứng minh được có bỏ ra công sức, chi phí đi lại trong việc khiếu nại đòi lại nhà nên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông là không phù hợp pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông BH.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 595 Bộ luật Dân sự 1995 quy định về hứa thưởng: "Người đã công khai hứa thưởng phải trả thưởng cho người đã thực hiện công việc theo yêu cầu của người hứa thưởng".

Ông BH đã thực hiện công việc theo yêu cầu của người hứa thưởng (Ban sáng lập ngân hàng) và như đã nhận định trên ông có góp một phần công sức trong việc khiếu nại đòi lại nhà cho Ban sáng lập ngân hàng, nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận một phần kháng cáo của ông.

Tuy nhiên về số tiền hứa thưởng, ông BH yêu cụ T trả bằng 172. 159.469 đồng (40% trên tổng số tiền Ban sáng lập ngân hàng được nhận 430.398.740 đồng) là chưa phù hợp, vì thể hiện tại văn bản thỏa thuận phân chia số tiền được Nhà nước hỗ trợ thì các thành viên trong Ban sáng lập ngân hàng đã thống nhất trừ chi phí đi khiếu nại là 189.200.000 đồng, số tiền còn lại mới chia đều cho 04 người, mỗi người được nhận 60.299.658 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của ông BH, buộc cụ T trả cho ông BH 20% trên số tiền cụ T nhận được tính ra bằng 12.060.000 đồng (làm tròn), do cụ T chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ T phải thực hiện nghĩa vụ thay cho cụ T trong phạm vi di sản của cụ T để lại.

Qua điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có căn chứ chấp nhận một phần.

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông BH, cụ T đều là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đinh Văn BH, sửa Bản án sơ thẩm số: 108/2019/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng: Điều 595, Điều 596 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, Mễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Buộc cụ HT trả cho ông Đinh Văn BH số tiền thưởng 12.060.000 đồng (mười hai triệu không trăm sáu chục ngàn), do cụ T đã chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ T gồm: ông Huỳnh KQ, ông Huỳnh K, bà Huỳnh Kim T1 và bà Huỳnh Kim Hg phải thực hiện nghĩa vụ thay cho cụ T trong phạm vi di sản của cụ T để lại.

2. Về án phí: Hoàn trả ông Đinh Văn BH 1.620.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm nộp ngày 08/6/2015 theo biên lai thu số 0003623 và 1.075.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm nộp ngày 01/8/2017 theo biên lai thu số 0000853 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;

- Tổ Nghiệp vụ TAND tỉnh VL;
- TAND huyện LH;
- Chi cục THADS huyện LH;
- Đương sự: Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Chi